TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2018/QĐST - HNGĐ	*N, ngày 08 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 195/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1989

ĐKNKTT: Thôn Y, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn N1, xã T1, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986

Cư trú: Thôn Y, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo nghị quyết;

Căn cứ vào các Điều 55, 57; 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31/01/ 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/5/2012. Anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con. Chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 02/2018 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu tiền số AA/2015/0006523 ngày 27 tháng 11 năm 2017; chấp nhận chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS huyện Nông Cống;
- VKSND huyện Nông Cống;
- UBND xã T1, huyện N2;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huệ